

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-6-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Tô Vũ K**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh V (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Mỹ Hạnh**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện N, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai anh Tô Vũ K trình bày:

Anh K và chị Hạnh quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh V, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2016. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho

đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K xin ly hôn với chị Hạnh.

Về con chung: Có một con chung là Tô Thị Mỹ N, sinh ngày 10/02/2014, hiện đang sống chung với anh K, anh K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh K trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh K trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị Mỹ Hạnh vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, chị Hạnh không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Vũ K, cụ thể: Anh Tô Vũ K được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ Hạnh. Về con chung: Anh K được quyền nuôi người con chung là Tô Thị Mỹ N, sinh ngày 10/02/2014, chị Hạnh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Tô Vũ K đối với chị Trần Thị Mỹ Hạnh thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Chị Trần Thị Mỹ Hạnh có nơi cư trú tại xã A, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Anh Tô Vũ K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Trần Thị Mỹ Hạnh đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh K và chị Hạnh theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Tô Vũ K và chị Trần Thị Mỹ Hạnh tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh V nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Anh K cho rằng hôn nhân giữa anh và chị Hạnh không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị Hạnh. Theo anh K trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì chị Hạnh không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh K và chị Hạnh và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị Hạnh đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K đối với chị Hạnh là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Anh K và chị Hạnh có một con chung là Tô Thị Mỹ N, sinh ngày 10/02/2014, hiện đang sống chung với anh K, anh K cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu Mỹ N cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của anh K. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Mỹ N có nguyện vọng được sống cùng anh K sau khi anh K và chị Hạnh ly hôn. Chị Hạnh vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Mỹ N cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K, giao con chung là Tô Thị Mỹ N cho anh K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K trình bày không có tài sản và không có nợ chung; chị Hạnh vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của chị Hạnh về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh K là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Vũ K, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Anh Tô Vũ K được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ Hạnh.
2. Về con chung:

Giao con chung là Tô Thị Mỹ N, sinh ngày 10/02/2014 cho anh Tô Vũ K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Tô Vũ K không yêu cầu chị Trần Thị Mỹ Hạnh cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, anh Tô Vũ K, chị Trần Thị Mỹ Hạnh hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh Tô Vũ K, chị Trần Thị Mỹ Hạnh có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Anh Tô Vũ K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0004656 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành,
tỉnh Trà Vinh ^(1b)
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

